

TÂM LÝ THẬN TRỌNG

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

MUA	Nhà đầu tư tiếp tục chọn lọc các mã đang có tín hiệu bật tăng từ nền hỗ trợ cứng với sự tham gia chủ động của dòng tiền và giải ngân từng phần với mục tiêu đầu tư ngắn hạn.
BÁN	Nhà đầu tư có thể xem xét tận dụng các nhịp tăng điểm của thị trường để thực hiện bán chốt lời từng phần các vị thế ngắn hạn trong danh mục.

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

TCB

THEO DÕI

↑ 9,66%

VND26.100

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall tăng điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Tư (22/1), với chỉ số S&P 500 đạt mức cao nhất mọi thời đại.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** VN-Index kết phiên với cây nến đỏ điểm, đóng cửa với giá thấp nhất phiên với thanh khoản tăng nhẹ cho thấy lực cung bán ra vào những ngày giao dịch cuối năm là không nhỏ. Trước sức ép hạ tỷ trọng đòn bẩy trước kỳ nghỉ lễ dài ngày, chỉ số chung đang gặp áp lực điều chỉnh giảm ngắn hạn. Mặt khác, dòng tiền suy yếu còn đến từ lo ngại các diễn biến bất thường trên thị trường thế giới có thể phát sinh trong thời gian thị trường chứng khoán Việt Nam nghỉ lễ không giao dịch.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	44.156,73	0,30	3,79
S&P 500	6.086,37	0,61	3,48
Nasdaq	20.009,34	1,28	3,62
VIX	15,10	0,27	-12,97
DAX	21.254,27	1,01	6,76
FTSE 100	8.545,13	-0,04	4,55
CAC40	7.837,40	0,86	6,19
Hang Seng	19.923,53	0,73	-0,68

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	SELL	SELL	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	44,85	SELL
MACD (12,26)	-4,13	SELL
ADX (14)	20,72	SELL
SMA5	1.245,93	SELL
SMA20	1.251,81	SELL
SMA50	1.249,80	SELL
SMA100	1.259,33	SELL
SMA200	1.257,84	SELL

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Thị trường chứng khoán Mỹ tăng điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Tư (22/1), với chỉ số S&P 500 đạt mức cao nhất mọi thời đại, khi cổ phiếu công nghệ vốn hóa lớn được mua mạnh và nhà đầu tư lạc quan về nhiệm kỳ cầm quyền mới của tân Tổng thống Donald Trump. Mùa báo cáo tài chính đang diễn ra là một yếu tố quan trọng thúc đẩy thị trường đi lên trong những phiên gần đây.
- Trên thị trường năng lượng, giá dầu thô Brent giao sau tại London giảm 0,29 USD/thùng, tương đương giảm 0,37%, chốt ở mức 79 USD/thùng. Giá dầu WTI giao sau tại New York giảm 0,39 USD/thùng, tương đương giảm 0,51%, còn 75,44 USD/thùng.
- Thống kê quy mô 10 công ty chứng khoán có dư nợ ký quỹ lớn nhất (chiếm 62% toàn ngành tại cuối tháng 9/2024) cho thấy tổng giá trị cho vay cuối năm 2024 đạt khoảng 147.500 tỷ đồng, tiếp tục tăng gần 9.600 tỷ đồng, tương đương tăng 7% sau ba tháng. Như vậy sau một năm, cho vay margin của riêng nhóm này đã tăng đến gần 39.900 tỷ đồng, tương đương tăng 37%.
- **TNG:** CTCP Đầu tư và Thương mại TNG đã công bố mức lợi nhuận kỷ lục trong năm qua với 316 tỷ, tăng 45% so với 2023 nhờ sự gia tăng của các đơn hàng xuất khẩu, mở rộng thị trường cùng việc khai thác các dòng sản phẩm khó, phức tạp.
- **PNJ:** Luỹ kế cả năm 2024, PNJ ghi nhận doanh thu thuần đạt 37.823 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 2.115 tỷ đồng; tăng lần lượt 14% và 7% so với năm 2023. Đây cũng là con số lợi nhuận năm cao nhất trong lịch sử hoạt động của PNJ.
- **ACB:** Trong năm 2024, ACB ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 21.006 tỷ đồng, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước. Riêng trong quý IV, lãi trước thuế tăng 12,4% so với cùng kỳ do nhiều mảng phi tín dụng tăng trưởng và cắt giảm chi phí dự phòng rủi ro.
- **TCB:** Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam vừa công bố kết quả kinh doanh năm 2024 với kết quả khả quan, nhiều chỉ số dẫn đầu hệ thống, đạt mức kỷ lục. LNTT đạt 27.500 tỷ đồng, tăng 20,3%; tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 47.000 tỷ đồng, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm 2023. Techcombank tiếp tục dẫn đầu hệ thống về chỉ số tỷ lệ CASA với tiền gửi của khách hàng đạt 565.100 tỷ đồng, tăng 24,3% so với đầu năm.
- **LPB:** Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam công bố báo cáo tài chính năm 2024 với lợi nhuận sau thuế đạt hơn 9.700 tỷ đồng, tăng 74,5% so với cùng kỳ năm trước. Đây cũng là mức tăng lợi nhuận cao nhất trong ngành tính đến thời điểm hiện tại. Động lực tăng trưởng lợi nhuận chủ yếu đến từ thu nhập lãi thuần (tăng 37,4%) và nguồn thu nhập khác (tăng 170%).

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.751,14	-0,19	4,83
Dầu WTI	75,27	-0,23	4,95
Dầu Brent	78,81	-0,24	5,59
Than	116,75	-0,85	-6,79
Đồng	9.223,50	-0,66	5,20
Quặng sắt	102,16	-0,30	-2,55
Thép	465,00	-1,48	-2,26

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	108,24	0,07	-0,23
USD/JPY	156,5	0,02	0,45
USD/CNY	7,2732	0,04	0,36
EUR/USD	1,0408	-0,01	0,52
GBP/USD	1,2314	-0,02	-1,61

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,75%	18/12/2024	-0,25
ECB	3,40%	12/12/2024	-0,25
BOE	4,75%	19/12/2024	-0,25
BOJ	0,25%	19/12/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
FPT	417,23	149.700	-0,13
HDB	426,34	22.000	-2,87
HPG	270,02	26.150	-0,57
SSI	234,16	24.400	-0,20
STB	276,99	36.350	0,83

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	509.725,12	91.200	-0,22
BID	272.451,85	39.500	-0,75
FPT	220.219,06	149.700	-0,13
CTG	200.300,69	37.300	0,00
HPG	167.261,94	26.150	-0,57

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

TCB

Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng giải ngân

Ngưỡng cắt lỗ

THEO DÕI

24.200

26.100

9,66%

23.000–23.800

<22.600

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Lũy kế cả năm 2024, lợi nhuận trước thuế đạt 27.500 tỷ đồng, tăng 20,3%; tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 47.000 tỷ đồng, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm 2023.
- Đáng chú ý, Techcombank tiếp tục dẫn dắt hệ thống về chỉ số tỷ lệ CASA với tiền gửi của khách hàng đạt 565.100 tỷ đồng, tăng 24,3% so với đầu năm. Nhờ kết quả vượt trội từ tinh năng Sinh lời tự động, số dư CASA của Ngân hàng tiếp tục xác lập kỷ lục mới, ghi nhận gần 231.000 tỷ đồng, đưa tỷ lệ CASA của Techcombank lên ngưỡng 40,9%.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- TCB đang trong nhịp điều chỉnh tích lũy sau khi tạo đỉnh ngắn hạn quanh 25.000 đồng. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn đang giữ ở mức tích cực. Nhà đầu tư có thể canh các nhịp điều chỉnh để giải ngân thăm dò đối với cổ phiếu TCB, vùng mua dự kiến quanh ngưỡng 23.000–23.800 đồng.

Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q3 2024
DTT (tỷ đ)	40.527	40.061	11.754
LNTT (tỷ đ)	25.568	22.888	7.214
LNST (tỷ đ)	20.436	18.191	5.793
Nợ/VCSH (%)	178	181	0
ROE (%)	19,67	14,80	16,81
ROA (%)	3,18	2,33	2,64
EPS (VNĐ)	2.863	2.552	3.207
P/E (lần)	4,5	6,2	7,55
P/B (lần)	0,81	0,86	1,19

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	NEUTRAL	BUY	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	53,99	BUY
MACD (12,26)	0,06	BUY
ADX (14)	19,30	BUY
SMA5	24.210	SELL
SMA20	24.060	BUY
SMA50	23.800	BUY
SMA100	23.730	BUY
SMA200	23.390	BUY

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	GVR	Cơ cấu	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5	22/10/2024	35,3	2,32%
2	HAH	Chốt lời	41-42,5	4/11/2024	42,5	46,3	40	8/11/2024	46,3	8,94%
3	MWG	Cắt lỗ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8	12/11/2024	61,8	-5,65%
4	HCM	Chốt lời	26-27	19/11/2024	27	29,8	25,7	6/12/2024	29,8	10,37%
5	ANV	Chốt lời	17,8-18,1	27/11/2024	18	19,5	17,3	6/12/2024	20,5	13,89%
6	STB	Chốt lời	30,5-31,5	20/11/2024	31,5	34,5	30	18/12/2024	34,2	9,52%
7	VCI	Cơ cấu	32-33,5	26/11/2024	33,5	36,2	31,4	7/1/2025	32,5	-2,99%
8	SSI	Cơ cấu	25,5-26	19/12/2024	25,8	28,6	24,8	7/1/2025	25,35	-1,74%
9	GMD	Cơ cấu	63,8-65	12/11/2024	65	72,2	61,8	7/1/2025	64	-1,54%
10	PVD	Cắt lỗ	23,3-23,6	13/12/2024	23,3	26	22,4	7/1/2025	22,4	-3,86%
11	DPM	Cắt lỗ	34-35,5	25/11/2024	35,2	38	33	10/1/2025	33,5	-4,83%
12	HPG	Cắt lỗ	26-26,5	5/12/2024	26,5	29	25,2	10/1/2025	25,55	-3,58%
13	VPB	Cắt lỗ	18,8-19	17/12/2024	19	20,5	17,9	10/1/2025	18,5	-2,63%
14	TCB	Cắt lỗ	23,5-23,9	19/12/2024	23,8	26,3	22,7	10/1/2025	23,4	-1,68%
15	SZC	Cắt lỗ	41-42	19/12/2024	42	45,8	40	10/1/2025	41	-2,38%

Email: Chienluochitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị 30/1/2024

MICP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Đỉnh 14	-(-12%)
Chốt lời 1:(90%)	18-19	-12%-18%
Chốt lời 2:(90%)	21-22	-18-27%
MI CP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
	(Có thể DCA về 61-63)	
Cắt lỗ	Đỉnh 59	-(-5%)
Chốt lời 1:(90%)	72-75	-12%-14%
Chốt lời 2:(90%)	Nằm giữ	
MI CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	-(-4%)
Chốt lời 1:(90%)	23-24	-7%-12%
Chốt lời 2:(90%)	25.5-26	-13%-24%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	190,000
Giá vốn trung bình	43.34
Góc đầu tư	🕶️ 99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (dự kiến)	+679,500,200 đ (6.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

3

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room